TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày: 22/4/2021
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phan Huy Viễn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Quốc.
2. Bà Đinh Thị Bích Vân.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Quốc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2020/TLST–DS, ngày 01/10/2020, về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-DS, ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐ-HPT, ngày 06/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Ông Đặng M, sinh năm 1975 và bà Đoàn Thị Thúy T, sinh năm 1983; địa chỉ: Làng B, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai – vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2020 và bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: Trước đây ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T có nợ tôi số tiền 187.820.000đ (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Ngày 22/5/2019 hai bên tính toán lại công nợ thì ông M và bà T có đồng ý trả cho tôi khoản tiền lãi kể từ ngày ông bà chốt nợ (ngày 18/02/2018 âm lịch) theo mức lãi suất 0,75%/tháng là 19.204.595đ (Mười chín triệu hai trăm lẻ bốn nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng). Khi đó, tôi có đồng ý bớt cho ông M và bà T một phần tiền lãi là 7.024.595đ (Bảy triệu không trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) và số tiền (cả gốc và lãi) ông bà còn phải trả cho tôi là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Cũng tại thời điểm đó, ông M và bà T có nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Kông Chro Đông Gia Lai số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm

triệu đồng). Khoản nợ này được đảm bảo bằng tài sản là nhà và đất của ông M và bà T tại thôn , xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là làng B, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 859328 mang tên ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/9/2015. Do ông M và bà T không có tiền để trả nợ cho Ngân hàng nên ông bà thỏa thuận để tôi dùng tiền của tôi trả nợ thay cho ông bà. Như vậy, tổng số tiền ông M và bà T nợ tôi là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Sau khi tôi trả xong nợ cho Ngân hàng thì ông M và bà T đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 859328 cho tôi giữ và ông bà cam kết hàng tháng sẽ trả lãi cho tôi theo mức lãi suất 0,75%/tháng. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận thì ông M và bà T không trả nợ (cả gốc và lãi) cho tôi dù tôi đã rất nhiều lần yêu cầu. Nay do ông M và bà T không chịu thực hiện nghĩa vụ của ông bà nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông bà phải trả lại cho tôi số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là 0,75%/tháng kể từ ngày 22/5/2019 cho đến khi Tòa án các cấp giải quyết xong vụ án (tôi tạm tính cho đến ngày khởi kiện là 32.925.000 đồng). Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn trong vụ án là ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay và không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên toà, khẳng định: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp; các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L và buộc ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và khoản tiền lãi theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là 0,75%/tháng kể từ ngày 22/5/2019 cho đến nay; tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*".

- Về án phí: Ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; bà Nguyễn Thị Bích L được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà với ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T có địa chỉ nơi cư trú tại làng B, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn là ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T nhưng ông bà không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án. Đối với bà Nguyễn Thị Bích L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị này của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Chính vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trong vụ án là đúng với quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 22/5/2019 ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T có lập Biên bản thỏa thuận với nội dung xác nhận có nợ của bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 300.000.000 đồng. Nguồn gốc của số nợ này là do trước đó ông M và bà T có nợ bà L số tiền 187.820.000 đồng vay để đầu tư trồng mía. Sau khi hai bên tính toán lại công nợ thì ông M và bà T có đồng ý trả cho bà L khoản tiền lãi kể từ ngày ông bà chốt nợ (ngày 18/02/2018 âm lịch) theo mức lãi suất 0,75%/tháng là 19.204.595 đồng. Khi đó, bà L có đồng ý bớt cho ông M và bà T một phần tiền lãi là 7.024.595 đồng nên số tiền cả gốc và lãi ông M, bà T còn phải trả cho bà L là 200.000.000 đồng. Cũng tại thời điểm đó, ông M và bà T có nợ Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Kông Chro Đông Gia Lai số tiền gốc là 100.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản là nhà và đất của ông M và bà T tại làng B, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 859328 mang tên ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 24/9/2015. Do ông M và bà T không có tiền để trả nợ cho Ngân hàng nên ông bà có thỏa thuận để bà L trả nợ thay cho ông bà. Như vậy, tổng số tiền ông M và bà T nợ bà L là 300.000.000 đồng. Sau khi bà L trả xong nợ cho Ngân hàng thì ông M và bà T đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 859328 cho bà L giữ và cam kết hàng tháng sẽ trả lãi cho bà L theo mức lãi suất 0,75%/tháng. Tuy nhiên, sau đó thì ông M và bà T không trả nợ gốc và lãi cho bà L dù bà L đã nhiều lần yêu cầu. Chính vì vậy, bà L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết buộc ông M và bà T phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Ngoài ra bà L còn yêu cầu ông M, bà T phải trả cho bà cả khoản tiền lãi theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là 0,75%/tháng kể từ ngày 22/5/2019 cho đến khi Tòa án các cấp giải quyết xong vụ án (bà tạm tính đến ngày khởi kiện là 32.925.000 đồng).

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Bích L thì thấy rằng: Biên bản thỏa thuận ngày 22/5/2019 thực chất chính là Hợp đồng dân sự về việc vay tài sản giữa bà L với ông M và bà T. Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện thoả thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội do đó hợp đồng này là hợp pháp, các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện đúng những thoả thuận, cam kết khi xác lập hợp đồng. Khi ký kết hợp đồng, hai bên không xác định thời hạn trả nợ của ông M, bà T nhưng có thỏa thuận là khi ông bà vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà L và bà L có yêu cầu ông bà trả nợ. Do ông M và bà T không trả nợ lãi và gốc cho bà L nên ngày 05/8/2020 bà L đã có Thông báo về việc yêu cầu trả nợ gửi cho ông M và bà T. Ngoài ra, tại hợp đồng này hai bên còn có thỏa thuận về lãi suất do đó đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi được quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông M, bà T không trả làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên bà đã khởi kiện yêu cầu ông M, bà T phải trả nợ là có căn cứ. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và buộc ông M, bà T phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy việc hai bên thỏa thuận mức lãi khi xác lập hợp đồng là 0,75%/tháng. Việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Thời gian ông M, bà T phải trả lãi được xác định từ ngày 22/5/2019 đến ngày xét xử hôm nay (ngày 22/4/2021) là 23 tháng. Như vậy, số tiền lãi ông M, bà T phải trả cho bà L sẽ được tính như sau: Nợ gốc 300.000.000 đồng x 0,75% x 23 tháng = 51.750.000 đồng.

Đối với bị đơn trong vụ án là ông M và bà T thì trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên toà hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp công bố chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông M và bà T đều vắng mặt không có lý do. Việc không chấp hành của ông M và bà T chứng tỏ ông bà có thái độ không tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình mà còn gây cản trở cho Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông bà theo quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định về vụ án là hợp lý, ông bà phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định; bà L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 238, 264, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L.

2. Buộc ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền là 351.750.000 đồng (*Ba trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và nợ lãi là 51.750.000 đồng (*Năm mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT, ngày 02/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*".

4. Về án phí:

- Buộc ông Đặng M và bà Đoàn Thị Thúy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.587.500 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Bích L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà L 8.323.125 đồng (*Tám triệu ba trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0009668 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Riêng phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phan Huy Viễn